

PART 5: CÂU HỎI TỪ LOẠI



1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Đây là dạng câu hỏi yêu cầu điền đúng **từ loại** (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ) của **cùng 1 gốc từ** vào chỗ trống.

- Example:

Q: Our spokesperson will explain an _____ opportunity for property investors.

- (A) excitedly
- (B) excitement
- (C) excited
- (D) exciting

- Example:

Q: Our spokesperson will explain an _____ opportunity for property investors.

- (A) excitedly (trạng từ)
- (B) excitement (danh từ)
- (C) excited (tính từ)
- (D) exciting (tính từ)

- Example:

Q: Our spokesperson will explain an _____ opportunity for property investors.

- (A) excitedly (trạng từ)
- (B) excitement (danh từ)
- (C) excited (tính từ)
- (D) exciting** (tính từ)

- Example:

Q: Our spokesperson will explain an _____ opportunity for property investors.

- (A) excitedly (trạng từ)
- (B) excitement (danh từ)
- (C) excited (tính từ)
- (D) exciting** (tính từ)

Dạng câu hỏi này được đánh giá là đơn giản hơn dạng ngữ pháp hoặc từ vựng vì trong nhiều trường hợp, việc xác định đáp án đúng dựa vào **vị trí của từ** trong câu và **mối quan hệ với từ đứng trước/ sau** mà không cần xét đến nghĩa của từ.

2. CÁCH LÀM BÀI

➤ **Bước 1: Xác định**

Xác định **dạng câu hỏi** dựa vào 4 phương án

➤ Bước 1: Xác định

Xác định **dạng câu hỏi** dựa vào 4 phương án

➤ Bước 2: Phân tích

Xem xét **từ loại** của từ đứng trước và sau chỗ trống hoặc **vị trí** của chỗ trống trong câu (chủ ngữ, động từ chính, tân ngữ sau động từ hay thành phần khác).

➤ Bước 1: Xác định

Xác định **dạng câu hỏi** dựa vào 4 phương án

➤ Bước 2: Phân tích

Xem xét **từ loại** của từ đứng trước và sau chỗ trống hoặc **vị trí** của chỗ trống trong câu (chủ ngữ, động từ chính, tân ngữ sau động từ hay thành phần khác).

➤ Bước 3: Chọn đáp án

Loại trừ các phương án chắc chắn sai và **lựa chọn** đáp án đúng.

**Q: Our spokesperson will explain an
_____ opportunity for property investors.**

- (A) excitedly
- (B) excitement
- (C) excited
- (D) exciting

Q: Our spokesperson will explain an _____ opportunity for property investors.

- (A) excitedly
- (B) excitement
- (C) excited
- (D) exciting

➤ **Bước 1: Xác định dạng câu hỏi**
=> Câu hỏi từ loại

Q: Our spokesperson will explain an _____ opportunity for property investors.

- (A) excitedly
- (B) excitement
- (C) excited
- (D) exciting

➤ **Bước 1: Xác định dạng câu hỏi**

=> Câu hỏi từ loại

➤ **Bước 2: Phân tích**

Chỗ trống đứng sau mạo từ "an" và trước danh từ "opportunity"

=> Cần điền tính từ

Q: Our spokesperson will explain an _____ opportunity for property investors.

- (A) ~~excitedly~~ trạng từ
- (B) ~~excitement~~ danh từ
- (C) excited tính từ
- (D) exciting tính từ

➤ **Bước 1:** Xác định dạng câu hỏi

=> Câu hỏi từ loại

➤ **Bước 2:** Phân tích

Chỗ trống đứng sau mạo từ "an" và trước danh từ "opportunity"

=> Cần điền tính từ

➤ **Bước 3:** Chọn đáp án

Ta loại trừ được (A), (B). Còn 2 phương án (C) và (D). Khi này ta xét đến nghĩa của tính từ cho phù hợp. Thông thường tính từ đuôi "-ed" nói về cảm xúc của người, tính từ đuôi "-ing" nói về tính chất, đặc điểm.

Q: Our spokesperson will explain an _____ opportunity for property investors.

- (A) ~~excitedly~~ trạng từ
- (B) ~~excitement~~ danh từ
- (C) excited tính từ
- (D) **exciting** tính từ

➤ **Bước 1:** Xác định dạng câu hỏi

=> Câu hỏi từ loại

➤ **Bước 2:** Phân tích

Chỗ trống đứng sau mạo từ "an" và trước danh từ "opportunity"

=> Cần điền tính từ

➤ **Bước 3:** Chọn đáp án

Ta loại trừ được (A), (B). Còn 2 phương án (C) và (D). Khi này ta xét đến nghĩa của tính từ cho phù hợp. Thông thường tính từ đuôi "-ed" nói về cảm xúc của người, tính từ đuôi "-ing" nói về tính chất, đặc điểm => chọn đáp án (D).

Lưu ý:

- Trong một vài trường hợp, ta có thể chọn luôn được đáp án vì chỉ có duy nhất 1 từ loại phù hợp cho chỗ trống, nhưng trong một vài trường hợp khác (như ở ví dụ này), khi có 2 phương án cùng 1 dạng từ loại, ta cần dùng phương án loại trừ và xét đến nghĩa của từ để chắc chắn phương án mình chọn là đúng.
- Khi làm bài test, các bạn không cần dịch nghĩa của câu để tiết kiệm thời gian, nhưng khi check lại đáp án thì vẫn cần học nghĩa của từ chưa biết và dịch nghĩa của câu (bất kể là dạng bài nào) để nâng cao vốn từ vựng.

3. KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Kiến thức cơ bản

- Các từ loại trong tiếng Anh: danh từ, từ hạn định, động từ, tính từ, trạng từ, liên từ, giới từ, thán từ
- Các thành phần cơ bản trong câu: chủ ngữ, động từ, thành phần bổ ngữ

Kiến thức nâng cao

- Danh từ: vị trí của danh từ, danh từ đếm được và không đếm được, từ hạn định, cụm danh từ
- Tính từ: vị trí của tính từ, phân biệt tính từ thường và tính từ đuôi "ed", "ing"
- Trạng từ: vị trí của trạng từ, phân biệt trạng từ và danh từ dễ gây nhầm lẫn
- Động từ: vị trí của động từ, dạng phân từ của động từ

LUYỆN TẬP

Q: The occurrence of heavy rains during the month of May is fairly ____.

- (A) predict
- (B) predicts
- (C) predicting
- (D) predictable

Q: The occurrence of heavy rains during the month of May is fairly ____.

- (A) predict
- (B) predicts
- (C) predicting
- (D) predictable

➤ **Bước 1: Xác định câu hỏi**

=> **Câu hỏi từ loại**

Q: The occurrence of heavy rains during the month of May is fairly ____.

- (A) predict
- (B) predicts
- (C) predicting
- (D) predictable

➤ **Bước 1: Xác định câu hỏi**

=> **Câu hỏi từ loại**

➤ **Bước 2: Phân tích**

Chỗ trống đứng cuối câu, trước đó là động từ tobe và trạng từ => đáp án chỉ có thể là tính từ hoặc động từ chia thì tiếp diễn (Ving)

Q: The occurrence of heavy rains during the month of May is fairly ____.

- (A) ~~predict~~ động từ nguyên thể
- (B) ~~predicts~~ động từ chia thì đơn
- (C) predicting động từ chia thì tiếp diễn
- (D) predictable tính từ

➤ **Bước 1: Xác định câu hỏi**

=> Câu hỏi từ loại

➤ **Bước 2: Phân tích**

Chỗ trống đứng cuối câu, trước đó là động từ tobe và trạng từ => đáp án chỉ có thể là tính từ hoặc động từ chia thì tiếp diễn (Ving)

➤ **Bước 3: Loại đáp án sai và chọn đáp án đúng**

Loại phương án (A) và (B), chỉ còn đáp án (C) và (D). Xét về nghĩa, fairly (khá là, gần như) là trạng từ bổ nghĩa cho tính từ

Q: The occurrence of heavy rains during the month of May is fairly ____.

- (A) ~~predict~~ động từ nguyên thể
- (B) ~~predicts~~ động từ chia thì đơn
- (C) predicting động từ chia thì tiếp diễn
- (D) predictable** tính từ

➤ **Bước 1: Xác định câu hỏi**

=> Câu hỏi từ loại

➤ **Bước 2: Phân tích**

Chỗ trống đứng cuối câu, trước đó là động từ tobe và trạng từ => đáp án chỉ có thể là tính từ hoặc động từ chia thì tiếp diễn (Ving)

➤ **Bước 3: Loại đáp án sai và chọn đáp án đúng**

Loại phương án (A) và (B), chỉ còn đáp án (C) và (D). Xét về nghĩa, fairly (khá là, gần như) là trạng từ bổ nghĩa cho tính từ => chọn đáp án (D).

Dịch: Việc xuất hiện mưa lớn suốt tháng Năm gần như có thể dự đoán trước.